TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số*:* 20 /2022/DS – PT
Ngày: 10/02/2022
V/v "*T/c hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Bích Hải**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thanh Giang**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Loan**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Trang –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Hồng Phil -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 & 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 261/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.L. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2021/QĐ - PT ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: ông **Nguyễn T.B.**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp Đ.H. B, xã Th.T., huyện T.L., thành phố Cần Tho.

* <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Nguyễn H.H.**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Đ.H. A, xã Th.T., huyện T.L., TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn U.N., sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Đ.H. B, xã Th.T., huyện T.L., TP. Cần Thơ.

* <u>*Người làm chứng*</u>: Ông **Phan H.G.**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Th.P.B, xã Th.T., huyện T.L., TP. Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Thị M.** – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn H.H.*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn ông Nguyễn T.B. trình bày: Do quen biết nên vào ngày 04/9/2020, ông Nguyễn T.B. cho ông Nguyễn H.H. vay số tiền 520.000.000 đồng để ông H. chuộc lại đất đã cầm cố cho người khác, lãi suất 2.5%/tháng, thời hạn vay 07 ngày. Đến nay, ông H. chưa trả gốc và lãi cho ông B. như đã hứa, nên ông B. yêu cầu ông H. có trách nhiệm trả số nợ gốc 520.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, thời hạn tính từ ngày 04/9/2020 đến phiên tòa sơ thẩm là 13 tháng 15 ngày x 1.7%/tháng = 119.340.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn H.H. trình bày: Ông có nhận số tiền 520.000.000 đồng từ ông Phan H.G. để chuộc lại mảnh đất đã cầm cố cho người khác, ông G. kêu tôi ký nhận 520.000.000 đồng với ông B. vì ông G. mượn tiền của ông B. để trả tiền mua đất cho ông, thực tế ông không vay mượn tiền của ông B.. Chữ ký và viết tên Nguyễn H.H. là do ông ký và viết ra, ông nhớ khi ký thì chỉ ghi nội dung có nhận số tiền 520.000.0000 đồng chứ không ghi lãi suất và thời hạn trả, sau khi ký xong chỉ có ông B. giữ biên nhận đó, ông không giữ bản nào. Khi ông chuyển nhượng đất cho ông Phan H.G. thì ông G. có hứa bằng lời nói sẽ thanh toán các khoản nợ trước đó cho ông bao gồm số tiền 520.000.000 đồng ông nhận của ông G. và đưa thêm cho ông 200.000.000 đồng. Sau khi sang tên 03 mảnh đất của ông thì ông G. đi vay ngân hàng nói là ít quá nên không đưa cho ông thêm khoản tiền nào. Nay nếu ông G. đồng ý chuyển nhượng lại 03 mảnh đất trên thì ông đồng ý trả lại ông G. 2.320.000.000 đồng (gồm 1.800.000.000 đồng của ông G. và 520.000.000 đồng mà ông G. kêu ông ký nhận từ ông B.).

Người làm chứng ông Phan H.G. trình bày: Việc mua bán đất giữa ông và Nguyễn H.H. với giá 1.800.000.000 đồng đã thực hiện xong, còn số tiền 520.000.000 đồng là Hào mượn của ông Nguyễn T.B.. Ông H. nhờ ông nói với ông B. cho ông H. mượn để chuộc lại đất mà ông H. cầm cố cho người khác, nay chuộc lại để chuyển nhượng cho ông. Việc ông H. mượn tiền của ông B. thì ông H. chịu trách nhiệm trả cho ông B., ông không đồng ý chuyển nhượng lại đất cho ông H.. Còn số tiền 520.000.000 đồng là do ông H. nhận tiền từ ông B. chứ không phải nhận từ ông như ông H. trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 132/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.L. đã tuyên như sau:

Chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Nguyễn T.B.,

Buộc bị đơn ông Nguyễn H.H. có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn T.B. số tiền gốc là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 119.340.000 đồng (Một trăm mười chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên

thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm đã tuyên xử, ngày 28/10/2021, bị đơn ông Nguyễn H.H. kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. tuyên hủy hợp đồng vay tài sản là tờ "Biên nhận" ngày 04/09/2020 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Lê Văn U.N. trình bày: Phía bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tuyên bố Biên nhận ngày 04/9/2020 vô hiệu. Ông N. cho rằng vào ngày 04/9/2020, ông H. nhận của ông G. số tiền 520.000.000 đồng trong phòng công chứng, ông H. không nhận tiền từ ông B.. Ông N. thừa nhận tên và chữ ký chữ viết Nguyễn H.H. trong biên nhận là do ông H. viết và ký ra, nhưng nội dung trong biên nhận lúc ông H. ký là để trống sau đó không biết ai đã viết thêm vào biên nhận. Ông N. đề nghị thu thập thêm chứng cứ là triệu tập người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim Thanh là người đã nhận cầm cố đất của ông H., vì cho rằng ngày 04/9/2020, lúc ông G. đưa số tiền cho ông H. tại phòng công chứng có mặt bà Thanh; thứ hai ông N. đề nghị trích xuất camera tại phòng công chứng để xác định việc ông G. đưa tiền cho ông H.. Ông B. không chứng minh được đưa tiền tại đâu trong khi ông H. cho rằng nhận tiền từ ông G.. Đề nghị tuyên bố Hợp đồng vay vô hiệu do bị lừa dối, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Trần Thị M. trình bày: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng hợp đồng vay vô hiệu do bị lừa dối là không có cơ sở. Bởi lẽ trong bản tự khai, bị đơn thừa nhận đã nhận của ông B. 520.000.000 đồng. Khi cho đối chất giữa các bên, bị đơn không tranh chấp về số nợ mà chỉ tranh chấp về lãi. Tại cấp sơ thẩm bị đơn không yêu cầu thu thập chứng cứ nay tại cấp phúc thẩm mới yêu cầu trích xuất camera và lấy lời khai bà Thanh trong khi camera chỉ lưu giữ hình ảnh từ 7-15 ngày nên không thể trích xuất, việc lấy lời khai bà Thanh là không cần thiết vì không liên quan đến việc vay tiền giữa ông B. và ông H..

Nguyên đơn ông Nguyễn T.B. trình bày: Do chỗ quen biết với ông H. từ trước nên khi ông G. giới thiệu thì vào ngày 04/9/2020 ông B. có cho ông H. mượn số tiền 520.000.000 đồng để chuộc giấy tờ đất đang cầm cho người khác lấy giấy tờ ra chuyển nhượng lại cho ông G.. Khi đó ông B. đã giao tiền cho ông H. ngay tại quán cà phê cạnh bên phòng công chứng, hai bên có lập biên nhận, nội dung biên nhận là do ông B. viết, chỉ để trống tên và chữ ký chữ viết tên Nguyễn H.H., khi ông H. nhận tiền mới viết tên và ký vào biên nhận. Từ khi ông H. mượn tiền cho

đến nay chưa thanh toán nợ gốc và lãi nên ông yêu cầu Tòa xem xét buộc ông H. phải trả cho ông số tiền đã mượn và tiền lãi. Ông B. đồng ý tính mức lãi suất 1.5%/tháng.

Ông Phan H.G. trình bày: Ông G. xác định vào ngày 04/9/2020, ông và ông H. chỉ ký kết Hợp đồng chuyển nhượng đất, ông không G. tiền gì cho ông H. tại phòng công chứng. Việc thỏa thuận số tiền chuyển nhượng đất 1.800.000.000 đồng là thỏa thuận miệng không có giấy tờ vì ông H. thiếu nợ nhiều người nên chuyển nhượng đất để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn nhận thấy, bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét về số tiền 520.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua đất của ông G.; ông H. không nhận tiền này từ ông B.. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu tuyên hợp đồng vay vô hiệu. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên nhận nợ thể hiện nội dung bị đơn có mượn tiền của nguyên đơn, bị đơn là người nhận tiền và ký tên ghi họ tên trong biên nhận nên bị đơn cho rằng nhận tiền từ ông G. nên đề nghị tuyên vô hiệu do bị lừa dối là không có cơ sở. Hơn nữa trong biên nhận chỉ thể hiện nội dung vay tiền không thể hiện nội dung nhận cọc, bị đơn không chứng minh được việc đặt cọc. Tại phiên tòa, bị đơn cung cấp các hợp đồng chuyển nhượng đất với ông G. để chứng minh cho việc nhận cọc, nhưng bị đơn không chứng minh được tài liệu này có liên quan đến biên nhận vay tiền của nguyên đơn vì trong biên nhận không thể hiện nội dung nhận cọc. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn thực hiện thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H.H.:

Về yêu cầu thu thập chứng cứ của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai nhận của các đương sự thể hiện vào ngày 04/9/2020, ông Nguyễn H.H. có mượn của ông B. số tiền 520.000.000 đồng, lãi 2,5%/tháng. Thời gian khoảng 7 ngày ông H. hoàn trả đủ lại cho ông B.. Việc mượn tiền này giữa hai bên được xác lập bằng văn bản là Biên

nhận ngày 04/9/2020, ông Nguyễn H.H. là người ký tên phía dưới chữ người nhận tiền.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng khi ông H. ký và ghi tên Nguyễn H.H. trong biên nhận ngày 04/9/2020, thì biên nhận này để trống phần nội dung và không biết chữ viết nội dung ông H. mượn tiền ông B. là do ai viết. Đồng thời cho rằng ông H. đã nhận tiền trực tiếp từ ông G. 520.000.000 đồng tại phòng công chứng chứ không nhận tiền từ ông B., nên đề nghị thu thập chứng cứ là trích xuất camera tại phòng công chứng và tiến hành lấy lời khai của bà Huỳnh Thị Kim Thanh người đã được ông H. trả tiền cầm giấy chứng nhận để lấy lại giấy tờ chuyển nhượng cho ông G.. Xét thấy, yêu cầu này của bị đơn không được thực hiện tại cấp sơ thẩm. Nay bị đơn kháng cáo mới đặt ra tại cấp phúc thẩm là không có cơ sở bởi lẽ dữ liệu trong camera được lưu có thời hạn nay thời gian đã quá lâu không còn lưu giữ, thứ hai là việc lấy lời khai của bà Thanh tại cấp phúc thẩm là không khách quan và không cần thiết bởi giữa ông H. và bà Thanh có quen nhau biết qua việc cầm cố giấy chứng nhận, giao dịch nhận tiền giữa bà Thanh và ông H. không liên quan đến vụ kiện này. Hơn nữa quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2021 (BL 13), Biên bản đối chất ngày 28/9/2021(BL 12), Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 19/10/2021 (BL 32), ông H. nhiều lần thừa nhận: "*chữ ký và chữ viết tên Nguyễn H.H. trong biên nhận ngày 04/9/2020 là do ông ký và viết ra, khi ký thì chỉ ghi nội dung nhận số tiền 520.000.0000 đồng không ghi lãi suất và thời hạn trả, sau khi ký xong ông B. giữ biên nhận đó, ông không giữ biên nhận*". Lời khai của ông H. và lời trình bày của ông N. tại cấp phúc thẩm cho rằng khi ông H. viết tên và ký tên nội dung biên nhận để trống là có sự mâu thuẫn trước sau không thống nhất.

Tại phiên tòa, ông Phan H.G. khẳng định việc mua bán đất giữa ông G. và ông H. có giá trị là 1.800.000.000 đồng đã thực hiện xong, còn số tiền 520.000.000 đồng là ông H. mượn của ông Nguyễn T.B.. Ông H. nhờ anh Giao nói với ông B. cho mượn để chuộc lại đất mà ông H. cầm cố cho người khác, nay chuộc lại để chuyển nhượng cho ông G.. Ông H. nhận trực tiếp số tiền mượn 520.000.000 đồng từ ông B. chứ không phải nhận từ ông G. như ông H. trình bày. Đối chiếu với chứng cứ là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2020, được ký kết giữa ông Nguyễn H.H. và ông Phan H.G. thì giá trị hợp đồng chuyển nhượng đất thể hiện số tiền là 300.000.000 đồng. Nhận thấy, việc chuyển nhượng đất giữa ông H. và ông G. đối với số tiền 1.800.000.000 đồng hay 2.320.000.000 đồng thì ngoài lời trình bày ra ông G. và ông H. đều không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào về giao dịch chuyển nhượng trên, các bên cho rằng chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Xét ông H. không cung cấp được chứng cứ chứng minh như đã trình bày nên cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận ngày 04/9/2020 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H. phải trả cho ông B. số tiền 520.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

[3] Bị đơn ông Nguyễn H.H. kháng cáo cho rằng: Ông không quen biết và cũng không làm ăn chung với ông B.. Ông H. thừa nhận ngày 04/9/2020, có nhận 520.000.000 đồng từ ông G. việc nhận tiền này là tiền cọc bán đất cho ông G., việc đưa cọc 520.000.000 đồng là để ông H. lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cầm cố cho bà Huỳnh Thị Kim Thanh. Khi ông H. ký tên trong giấy nhận tiền cọc số tiền 520.000.000 đồng , ông G. đã ghi sẵn đoạn: "Tôi tên", vào "ngày 04/9/2020" còn phần phía sau chữ "tôi tên" là chữ "Nguyễn H.H." là do ông H. ghi và ký tên phía dưới; đoạn "tôi có mượn tiền của anh Bình số tiền 520.000.000 đồng lãi 2.5%/tháng thời gian khoảng 7 ngày tôi hoàn trả đủ lại cho anh Bình là do sau đó ông G. ghi thêm vào, lúc ông H. ký không có đoạn này.Tại phiên tòa, ông B. không thống nhất với lời khai này của ông H..

Nhận thấy, tờ Biên nhận ngày 04/9/2020 thể hiện nội dung như sau: *"Biên nhận. Tôi tên: Nguyễn H.H.. Vào ngày 04/09/2020. Tôi có mượn của anh Bình số tiền 520.000.000đ lãi 2,5%/tháng (năm trăm hai mươi triệu đồng). Thời gian khoảng 7 ngày (Bảy) tôi hoàn trả đủ lại cho anh Bình. Người nhận tiền ký tên và ghi Nguyễn H.H."*, nội dung biên nhận xác định việc ông H. đã vay của ông B. số tiền 520.000.000 đồng, không có nội dung nào thỏa thuận về việc đặt cọc mua đất như ông H. đã trình bày. Ông H. luôn khẳng định đã nhận 520.000.000 đồng của ông G., không nhận tiền của ông B.. Tuy nhiên, ông H. không cung cấp được tài liệu khác để chứng minh và đối chiếu so sánh với biên nhận mà ông thừa nhận đã ký ngày 04/9/2020. Mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông cũng không xuất trình được chứng cứ nào mới để bác bỏ nội dung biên nhận. Do vậy lời trình bày của ông không có cơ sở thuyết phục Hội đồng xét xử tuyên bố biên nhận ngày 04/9/2020 bị vô hiệu. Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy, vào ngày 28/9/2021 cấp sơ thẩm có tiến hành thu thập chứng cứ là cho đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn. Theo quy định tại điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, khi thu thập chứng cứ thì Tòa án phải chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhưng cấp sơ thẩm đã thiếu sót khi không chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát xem xét tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, việc xét xử về nội dung vụ án vẫn đảm bảo đúng quy định nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như quan điểm của Kiểm sát viên là có cơ sở cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị bác yêu cầu của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Đối với mức lãi suất trong đơn kiện, nguyên đơn yêu cầu lãi suất ghi trong biên nhận là 2.5%/tháng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về lãi suất: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay" là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi 1.7%/tháng là chưa đúng, vì nếu tính lãi 1.7%/tháng thì sẽ thành mức lãi 20,4%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý tính mức lãi 1.5%/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và điều chỉnh lại tiền lãi trong trường hợp này là 1.5%/tháng x 520.000.000 đồng x 13 tháng 15 ngày = 105.300.000 đồng.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông H. không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H.H..

Sửa bản án sơ thẩm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.B.,

Buộc bị đơn ông Nguyễn H.H. có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn T.B. số tiền gốc là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 105.300.000 đồng (Một trăm năm triệu ba trăm nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 29.012.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăn mười hai nghìn đồng)

Nguyên đơn thuộc trường hợp được được miễn nộp tạm ứng án phi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn H.H. phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005098 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.L..

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Cần Thơ;
- TAND huyện T.L.;
- Chi cục THADS huyện T.L.;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bích Hải